Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

VIMCERTS 093/2025/1530

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý – Tọa độ 20°39'45,25'' – 105°55'44,96''.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/07/2025

Lượng mẫu: 8L.

Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/07/2025 Đến ngày: 14/08/2025.

Ngày hoàn thành: 14/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	25,6
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	6,82
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 150	17,1
4	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	6,3
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 150	22,2
6	Tổng chất rắn lơ lửng, TSS	mg/L	SMEWW 2612D:2023	≤ 100	44,0
7	Asen	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	< 0,010
8	Thủy ngân	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Chì	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cadimi	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom (III)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,003)
13	Đồng	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Kẽm	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Niken	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

VIMCERTS 093/2025/1530

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
16	Mangan	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	< 0,10
17	Sắt	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	KPH (GHPH = 0,03)
18	Tổng Xianua	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023	≤ 0,5	0,102
23	Florua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	0,676
24	Clorua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	110
25	Amoni (Tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2023	≤ 10	< 0,30
26	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	17,1
27	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,564
28	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 5000	280

Ghi chú: ***- QCVN 40:2011/BTNMT-B***: *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp – cột B;*
"-": Không quy định trong quy chuẩn;
- KPH: *Không phát hiện;* ***GHPH***: *Giới hạn phát hiện.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

VIMCERTS 093/2025/1531

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải công nghiệp sau xử lý – Tọa độ 20°39'44,99'' – 105°55'45,58''.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/07/2025

Lượng mẫu: 8L.

Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/07/2025 Đến ngày: 14/08/2025.

Ngày hoàn thành: 14/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	25,5
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	7,24
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 150	< 10,0
4	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	31,7
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 150	72,9
6	Tổng chất rắn lơ lửng, TSS	mg/L	SMEWW 2612D:2023	≤ 100	12,0
7	Asen	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	< 0,010
8	Thủy ngân	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Chì	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cadimi	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom (III)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,003)
13	Đồng	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Kẽm	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Niken	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

VIMCERTS 093/2025/1531

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
16	Mangan	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	< 0,10
17	Sắt	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	KPH (GHPH = 0,03)
18	Tổng Xianua	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023	≤ 0,5	0,109
23	Florua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	0,703
24	Clorua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	60,0
25	Amoni (Tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2023	≤ 10	< 0,30
26	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	4,45
27	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,180
28	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 5000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: ***- QCVN 40:2011/BTNMT-B***: *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp – cột B;*
"-": Không quy định trong quy chuẩn;
- KPH: *Không phát hiện;* ***GHPH***: *Giới hạn phát hiện.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

VIMCERTS 093/2025/1532

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải điểm xả cuối Mixing tank – 20°39'45,95'' – 105°55'44,99''.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/07/2025

Lượng mẫu: 8L.

Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/07/2025 Đến ngày: 14/08/2025.

Ngày hoàn thành: 14/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	26,3
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	6,45
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 150	18,4
4	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	28,3
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 150	68,9
6	Tổng chất rắn lơ lửng, TSS	mg/L	SMEWW 2612D:2023	≤ 100	43,2
7	Asen	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	0,014
8	Thủy ngân	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Chì	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cadimi	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom (III)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,003)
13	Đồng	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Kẽm	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Niken	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	< 0,10

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

VIMCERTS 093/2025/1532

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
16	Mangan	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	< 0,10
17	Sắt	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	KPH (GHPH = 0,03)
18	Tổng Xianua	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023	≤ 0,5	0,116
23	Florua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	1,36
24	Clorua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	119
25	Amoni (Tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2023	≤ 10	< 0,30
26	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	16,9
27	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,513
28	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 5000	350

Ghi chú:
- ***QCVN 40:2011/BTNMT-B***: *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp – cột B;*
"-": Không quy định trong quy chuẩn;
- ***KPH***: *Không phát hiện;* ***GHPH***: *Giới hạn phát hiện.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1587-01..... Trang/Page:.....1/1

VIMCERT 093/2025/1533

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý – KTX – Tọa độ 20°39'16,45'' – 105°55'32,49''.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 17/07/2025.

Lượng mẫu: 8L.

Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/07/2025 Đến ngày: 14/08/2025.

Ngày hoàn thành: 14/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550 B:2023	≤ 40	27,3
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	6,40
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	7,2
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	≤ 150	24,0
5	SS	mg/L	SMEWW 2540 D:2023	≤ 100	12,6
6	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	KPH (GHPH = 0,03)
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	-	< 3,0
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
10	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	0,609
11	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	≤ 0,5	< 0,10
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	97,7
13	Amoni (NH_4^+-N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3B&F:2023	≤ 10	< 0,30
14	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	32,8
15	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,68
16	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 5000	210
17	Lưu lượng	m^3/h	TN5/HD.HT/27	-	2,86

Ghi chú:
- ***Quatest1*** *được bộ Tài Nguyên Môi Trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với số hiệu* ***Vimcerts 093****;*
- ***QCVN 40:2011/BTNMT****: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (Cột B);*
- ***KPH****: Không phát hiện;* ***GHPH****: Giới hạn phát hiện; "-" Không quy định trong quy chuẩn.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. *Phiếu kết qua này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết qua này nếu không được sự đồng ý của trung tâm bằng văn bản.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: **Mẫu nước RO cantin.**
2. Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
3. Lượng mẫu: 17/07/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 8,0L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/07/2025 Đến ngày: 14/08/2025.
7. Ngày hoàn thành: 14/08/2025

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1 ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	6,37
5	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	KPH (GHPH = 1,0)
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	6
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,010)
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,02	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,003)
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1,3	KPH (GHPH = 0,010)
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	< 0,15
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,010)
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	KPH (GHPH = 0,010)
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1,5	KPH (GHPH = 0,05)
17	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} F:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,3	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,010)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,001	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO_2^--N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 0,9	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO_3^--N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	0,126
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	KPH (GHPH = 0,50)
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	KPH (GHPH = 0,50)
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	≤ 3000	KPH(GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	KPH(GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: ***QCVN 01-1: 2024/BYT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;*
KPH: *Không phát hiện;* ***GHPH:*** *Giới hạn phát hiện.*

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: **Mẫu nước RO cantin ký túc xá.**
2. Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
3. Lượng mẫu: 17/07/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 8,0L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/07/2025 Đến ngày: 14/08/2025.
7. Ngày hoàn thành: 14/08/2025

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	6,35
5	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	KPH (GHPH = 1,0)
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	4
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,010)
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,02	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,003)
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1,3	KPH (GHPH = 0,010)
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	KPH (GHPH = 0,05)
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,010)
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	KPH (GHPH = 0,010)
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1,5	KPH (GHPH = 0,05)
17	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} F:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,3	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,010)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
Tel: 024 32191002

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,001	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO_2^--N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 0,9	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO_3^--N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	KPH (GHPH = 0,02)
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	< 1,50
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,50
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: ***QCVN 01-1: 2024/BYT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;*
KPH: *Không phát hiện;* ***GHPH:*** *Giới hạn phát hiện.*

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No: 25/TN5/1657-01

VIMCERTS 093/2025/1547

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: ***Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gần kho LPG.***

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 28/07/2025.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 28/07/2025 đến ngày: 15/08/2025.

Ngày hoàn thành: 15/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	$\mu g/m^3$	TCVN 5067: 1995	≤ 300	167
2	CO	$\mu g/m^3$	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 704A	≤ 350	52,4
4	NO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 406	≤ 200	47,4
5	Toluen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	$\mu g/m^3$	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O_3	$\mu g/m^3$	TCVN 7171:2002	≤ 200	44,46
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	37,4
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	82,7
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	0,6
13	H_2S	$\mu g/m^3$	MASA Method 701	≤ 42	< 30

Ghi chú:- ***QCVN 05:2023/BTNMT***: *Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);*
- ***KPH***: *Không phát hiện;* ***GHPH***: *Giới hạn phát hiện*
- *Chỉ tiêu O_3 do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

Kim Đức Trụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No: 25/TN5/1657-02 Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2025/1548

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: ***Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gần xưởng hàn.***

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 28/07/2025.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 28/07/2025 đến ngày: 15/08/2025.

Ngày hoàn thành: 15/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	$\mu g/m^3$	TCVN 5067: 1995	≤ 300	227
2	CO	$\mu g/m^3$	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 704A	≤ 350	53,6
4	NO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 406	≤ 200	54,5
5	Toluen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	$\mu g/m^3$	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O_3	$\mu g/m^3$	TCVN 7171:2002	≤ 200	14,59
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	37,2
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	83,5
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	0,6
13	H_2S	$\mu g/m^3$	MASA Method 701	≤ 42	< 30

Ghi chú:- ***QCVN 05:2023/BTNMT***: *Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);*
- ***KPH***: *Không phát hiện;* ***GHPH***: *Giới hạn phát hiện*
- *Chỉ tiêu O_3 do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert:079 thực hiện.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

Kim Đức Trụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No: 25/TN5/1657-03

VIMCERTS 093/2025/1549

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: ***Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gần đường Testcouse.***

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 28/07/2025.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 28/07/2025 đến ngày: 15/08/2025.

Ngày hoàn thành: 15/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	$\mu g/m^3$	TCVN 5067: 1995	≤ 300	187
2	CO	$\mu g/m^3$	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 704A	≤ 350	52,3
4	NO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 406	≤ 200	42,7
5	Toluen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	$\mu g/m^3$	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O_3	$\mu g/m^3$	TCVN 7171:2002	≤ 200	6,84
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	37,5
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	82,8
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	0,5
13	H_2S	$\mu g/m^3$	MASA Method 701	≤ 42	< 30

Ghi chú:- ***QCVN 05:2023/BTNMT***: *Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);*
- ***KPH***: *Không phát hiện;* ***GHPH***: *Giới hạn phát hiện*
- *Chỉ tiêu O_3 do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Vimcert 079 thực hiện.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Kim Đức Trụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-04.....

VIMCERTS 093/2025/1550

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: ***Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gần cổng 1.***

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: 28/07/2025.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 28/07/2025 đến ngày: 15/08/2025.

Ngày hoàn thành: 15/08/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	$\mu g/m^3$	TCVN 5067: 1995	≤ 300	233
2	CO	$\mu g/m^3$	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 704A	≤ 350	52,3
4	NO_2	$\mu g/m^3$	MASA Method 406	≤ 200	44,7
5	Toluen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	$\mu g/m^3$	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	$\mu g/m^3$	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O_3	$\mu g/m^3$	TCVN 7171:2002	≤ 200	21,21
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	37,4
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	83,6
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	0,6
13	H_2S	$\mu g/m^3$	MASA Method 701	≤ 42	< 30

Ghi chú:- ***QCVN 05:2023/BTNMT***: *Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);*
- ***KPH***: *Không phát hiện;* ***GHPH***: *Giới hạn phát hiện*
- *Chỉ tiêu O_3 do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Vimcert 079 thực hiện.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-05.....

VIMCERTS 093/2025/1551

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần Kho LPG.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 10h00 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	66,1
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	57
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	56
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	56

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-06..... Trang/Page:.....1/1..

VIMCERTS 093/2025/1552

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần Xưởng hàn.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 10h15 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	65,3
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	56
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	56
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	56

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-07.....

VIMCERTS 093/2025/1553

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần đường Testcouse.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 10h30 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	66,7
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	57
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	56
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	57

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-08..... Trang/Page:.....1/1.

VIMCERTS 093/2025/1554

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần Cổng 1.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 10h45 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	65,3
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	57
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	57
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	56

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 6 giờ đến 21 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-09..... Trang/Page:.....1/1.

VIMCERTS 093/2025/1555

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần Kho LPG.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 21h00 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	50,3
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	44
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	45
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	45

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết qua này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-10.....

VIMCERTS 093/2025/1556

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần Xưởng hàn.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 21h15 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	51,2
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	45
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	46
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	45

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-11.....

VIMCERTS 093/2025/1557

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần Đường Testcouse.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 21h30 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	51,6
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	46
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	46
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	46

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết qua này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Commission for the Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38360289
Email: thitruong@quatest1.com.vn
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002

Số/No:.....25/TN5/1657-12.....

VIMCERTS 093/2025/1558

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần Cổng 1.**

Khách hàng: **Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Thời điểm đo đạc: 21h45 ngày 28/07/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	51,2
2	Độ rung				
2.1	Trục X	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	45
2.2	Trục Y	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	46
2.3	Trục Z	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	45

Ghi chú: - *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;*
- *Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Kim Đức Thụ

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.*
   This test results is value only for samples.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.